

TỜ TRÌNH

**V/v quyết định chủ trương đầu tư dự án
đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của UBND tỉnh về việc thành lập hội đồng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn nhóm A và giao nhiệm vụ thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do UBND tỉnh quản lý;

Xét Tờ trình số 17/TTr-UBND ngày 26/01/2021 của UBND huyện Kbang về việc đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai và văn bản số 219/SKHĐT-ĐTTĐ&GSĐT (kèm theo báo cáo kết quả thẩm định số 21/BC-SKHĐT) ngày 28/01/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư dự án đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai với các nội dung chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN:

1. Tên dự án: Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.
2. Chủ đầu tư (dự kiến): Ủy ban nhân dân huyện Kbang.
3. Đối tượng thụ hưởng của dự án: Nhân dân huyện Kbang.
4. Dự án nhóm: Nhóm C.
5. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.
6. Tổng vốn thực hiện dự án: 55 tỷ đồng.
7. Nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn: Ngân sách tỉnh (dự kiến nguồn tiền sử dụng đất).
8. Thời gian thực hiện (dự kiến): Năm 2021-2022.
9. Quy mô dự án (quy mô dự án là dự kiến, quy mô cụ thể được xác định trong giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình): Nâng cấp, mở rộng đường Hai Bà Trưng dài 2,8km với chỉ giới xây dựng 20m, mặt đường rộng 10,5m, vỉa hè rộng 4,75mx2=9,5m, hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ.

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN:

1. UBND tỉnh có văn bản số 2374/UBND-KTTH ngày 24/11/2020, 84/UBND-KTTH ngày 23/01/2021 về việc giao nhiệm vụ cho UBND huyện Kbang lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án;

2. UBND huyện Kbang có Tờ trình số 17/TTr-UBND ngày 26/01/2021 về việc đề nghị thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án;

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức lấy ý kiến các sở liên quan, tổng hợp báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn tại báo cáo số 21/BC-SKHĐT ngày 28/01/2021;

III. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

2. Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Các văn bản khác có liên quan.

UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương đầu tư dự án đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đ/c CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: KHĐT, XD, TNMT;
- UBND huyện Kbang;
- CVP và các PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, CNXD, KTTH.



NGHỊ QUYẾT

Về chủ trương đầu tư dự án
Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh Gia Lai đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của các Đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp thứ Mười bảy, HĐND tỉnh khóa XI.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai do Ủy ban nhân dân huyện Kbang quản lý dự án.

1. Mục tiêu đầu tư: Nhằm đáp ứng nhu cầu giao thông, từng bước hoàn thiện hạ tầng cơ sở, tạo mỹ quan đô thị và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2. Quy mô đầu tư (ở bước lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư quy mô là dự kiến; quy mô dự án được xác định cụ thể ở bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi): Nâng cấp, mở rộng đường Hai Bà Trưng dài 2,8km với quy mô: chỉ giới xây dựng 20m, mặt đường rộng 10,5m, vỉa hè rộng 4,75m x 2 = 9m, hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ.

3. Nhóm dự án: Nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư (dự kiến): 55 tỷ đồng (Năm mươi lăm tỷ đồng).

5. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách tỉnh (dự kiến nguồn tiền sử dụng đất).

6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

7. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án (dự kiến): Năm 2021 - 2022.

- Năm 2021 phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án đầu tư và khởi công xây dựng.

- Năm 2022 dự án hoàn thành.

8. Dự kiến kế hoạch bố trí vốn: Năm 2021 - 2022.

9. Cơ chế và giải pháp, chính sách thực hiện: Theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Ủy ban nhân dân huyện Kbang chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân huyện Kbang và các cơ quan liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Giao UBND tỉnh chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này báo cáo HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XI, kỳ họp thứ Mười bảy thông qua ngày tháng năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo và chuyên viên phòng Tổng hợp;
- Lưu VT-TH.

CHỦ TỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**



**CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG HAI BÀ TRUNG, THỊ TRẤN KBANG
ĐỊA ĐIỂM XD: TT.KBANG - HUYỆN KBANG - TỈNH GIA LAI**

NĂM 2021

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn, khả năng cân đối vốn dự án: Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Ủy ban Nhân dân huyện Kbang.

Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được tờ trình số 17/TTr-UBND ngày 26/01/2021 của UBND huyện Kbang về việc thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai. Sau khi xem xét, tổng hợp ý kiến và kết quả thẩm định của các cơ quan có liên quan, Sở báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn, khả năng cân đối vốn dự án Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai như sau:

Phần thứ nhất

TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH:

1. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai của UBND huyện Kbang số 31/BC-UBND ngày 26/01/2021.
2. Tờ trình số 17/TTr-UBND ngày 26/01/2021 của UBND huyện Kbang về việc thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỀ THẨM ĐỊNH:

1. Luật Đầu tư công 2019;
2. Căn cứ Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư công;
3. Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của UBND tỉnh về việc thành lập hội đồng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn nhóm A và giao nhiệm vụ thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do UBND tỉnh Gia Lai quản lý;
4. Căn cứ văn bản số 2374/UBND-KTTH ngày 24/11/2020 UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021;
5. Căn cứ văn bản số 84/UBND-KTTH ngày 23/01/2021 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh nội dung giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021.

III. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH:

1. Đơn vị chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Sự phù hợp với các mục tiêu chiến lược, kế hoạch và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng, lãnh thổ; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực: Cơ bản phù hợp; UBND huyện Kbang chịu trách nhiệm về các số liệu quy hoạch đã cung cấp, sự phù hợp của dự án với các quy hoạch trên địa bàn.

4. Sự phù hợp với tiêu chí phân loại dự án nhóm A, nhóm B và nhóm C: Phù hợp theo quy định.

5. Về mục tiêu, quy mô, hình thức đầu tư, phạm vi, địa điểm, diện tích đất cần sử dụng, giải pháp bảo vệ môi trường: cơ bản phù hợp; việc lựa chọn đầu tư tuyến đường Hai Bà Trưng, áp dụng suất đầu tư do UBND huyện đề xuất.

6. Thời gian, tiến độ thực hiện: phù hợp theo quy định.

7. Về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn: Dự án đề xuất sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh (dự kiến nguồn tiền sử dụng đất) là phù hợp với văn bản số 84/UBND-KTTH ngày 23/01/2021 của UBND tỉnh Gia Lai; khả năng cân đối vốn cho dự án đảm bảo trong giai đoạn 2021-2025.

IV. KẾT LUẬN:

Dự án Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đủ điều kiện để trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các bước tiếp theo.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư về chủ trương đầu tư, nguồn vốn, khả năng cân đối vốn dự án, đề nghị UBND huyện Kbang xem xét báo cáo UBND tỉnh để triển khai các bước phê duyệt chủ trương đầu tư đúng các quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Lưu VT, ĐTTĐ&GSĐT (Longvk).

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Công Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17 /TT-UBND

Kbang, ngày 26 tháng 01 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án:
Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai**

Kính gửi: -Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật xây dựng số: 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của UBND tỉnh Gia Lai -V/v phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2035;

Căn cứ văn bản số 84/UBND-KTTH ngày 23/01/2021 của UBND tỉnh Gia Lai -V/v điều chỉnh nội dung giao nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021;

UBND huyện Kbang Kính đề nghị Sở kế hoạch & Đầu tư tỉnh Gia Lai thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia lai với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN

1. Tên dự án: Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.
2. Dự án nhóm: Nhóm C.
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND tỉnh Gia Lai.
4. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Gia Lai
5. Tên Chủ đầu tư: Ủy Ban Nhân Dân huyện Kbang.
6. Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai
7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 55,0 tỷ đồng
8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định: Vốn ngân sách tỉnh: 55,0 tỷ đồng.
9. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định: Lĩnh vực đường giao thông; vốn sử dụng đất
10. Thời gian thực hiện: năm 2021-2023
11. Hình thức đầu tư của dự án: Xây dựng nâng cấp, cải tạo
12. Các thông tin khác (nếu có): Không

II. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công;
2. Văn bản số 2685/SKHĐT-TH ngày 20/11/2020 của Sở kế hoạch & đầu tư tỉnh Gia Lai –V/v giao vốn chuẩn bị đầu tư năm 2020 để lập thủ tục chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến khởi công mới năm 2021;

Hai Bà Trưng

4. Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của UBND tỉnh Gia Lai –V/v phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2035;
5. Các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của cơ quan thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

UBND huyện Kbang Kính đề nghị Sở kế hoạch & Đầu tư tỉnh thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia lai./. *u1*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo HĐND, UBND huyện;
- TC-KH; KT-HT; BQL;
- Lưu: VT, CV tổng hợp. *lll*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

CHỦ TỊCH



NGUYỄN VĂN DŨNG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ**

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.
- Sở kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật xây dựng số: 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của UBND tỉnh Gia Lai -V/v phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2035;

Căn cứ văn bản số 84/UBND-KTTH ngày 23/01/2021 của UBND tỉnh Gia Lai -V/v điều chỉnh nội dung giao nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021;

Ủy ban nhân dân huyện Kbang trình Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Sở Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang (đoạn Ngô Mây - QL Trường Sơn Đông), huyện Kbang, tỉnh Gia Lai với các nội dung chính sau:

I. Thông tin chung của dự án:

1. Tên dự án: Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang.

2. Dự án nhóm: C

3. Cấp Quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

4. Tên chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Kbang.

5. Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Kbang - huyện Kbang – tỉnh Gia Lai.

6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 55.000.000.000 đồng

(Năm mươi lăm tỷ đồng).

Nguồn vốn đầu tư dự án: Ngân sách tỉnh.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021-2023.

II. Nội dung chủ yếu của dự án:

II.1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư:

1. Sự cần thiết đầu tư:

Huyện Kbang là một trong các huyện có diện tích lớn và nhiều tiềm năng phát triển của tỉnh, thị trấn Kbang là thị trấn duy nhất của huyện, là nơi tập trung các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp của huyện, là trung tâm kinh tế chính trị,

văn hóa xã hội, có nhiều dân cư định cư với mật độ lớn nhất của huyện. Với tốc độ dân số ngày càng phát triển, việc chỉnh trang, phát triển hạ tầng các trục đường nội thị và các khu tập trung dân cư nói riêng ngày càng trở nên cấp bách, là động lực để tạo ra một thị trấn với diện mạo mới. Quy hoạch chung của thị trấn đã được các cấp thẩm quyền phê duyệt, nhiều dự án mở rộng các khu dân cư đã và đang được đầu tư, từng bước đáp ứng tốt nhu cầu phát triển của thị trấn xứng tầm là trung tâm KT-CTr, VH-XH huyện lỵ của huyện Kbang.

Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang (đoạn Ngô Mây – QL Trường Sơn Đông) có tổng chiều dài $L=2.795,50m$. Đây là tuyến đường trục chính kết nối với QL Đông Trường Sơn là cửa ngõ chính đi vào trung tâm thị trấn Kbang, đóng vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo lưu thông nội thị và kết nối giao thông liên khu vực.

Hiện trạng tuyến với kết cấu mặt đường BTXM rộng trung bình 5m, hiện đã hư hỏng nghiêm trọng, mặt đường bị bong tróc, xuất hiện nhiều vết nứt vỡ, lún sụt. Hệ thống thoát nước dọc chưa được đầu tư, thoát nước ngang là cống bản và cống tròn BTCT hiện cũng đã xuống cấp, hư hỏng và không đảm bảo khẩu độ; các công trình cầu với khổ cầu hẹp cũng đang dần xuống cấp và không đáp ứng được nhu cầu lưu thông ngày càng tăng. Hiện tại tuyến vẫn đáp ứng được nhu cầu lưu thông với các hạng mục đã đầu tư xây dựng. Tuy nhiên, với sự phát triển nói chung về dân cư, mở rộng quy hoạch cơ sở hạ tầng thì sự xuống cấp của tuyến đường không thể đáp ứng được nhu cầu phát triển KT-XH cũng như tính đồng bộ về quy mô kết nối giao thông, gây mất mỹ quan đô thị, chưa xứng tầm là tuyến đường trung tâm của thị trấn, đặc biệt đây là tuyến đường trục chính kết nối với QL Đông Trường Sơn là cửa ngõ chính đi vào trung tâm thị trấn Kbang.

Trước thực trạng trên, UBND huyện Kbang đã cho chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang (đoạn đường Ngô Mây - QL Trường Sơn Đông) nhằm đáp ứng nhu cầu giao thông, từng bước hoàn thiện hạ tầng cơ sở, tạo mỹ quan đô thị và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Các điều kiện để thực hiện đầu tư:

- Văn bản số 2374/UBND-KTTH ngày 24/11/2020 của UBND tỉnh Gia Lai - V/v giao nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021.

- Văn bản số 84/UBND-KTTH ngày 23/01/2021 của UBND tỉnh Gia Lai - V/v điều chỉnh nội dung giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021.

- Việc đầu tư xây dựng công trình phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Không trùng lặp với các dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư.

- Bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội, phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư.

3. Sự phù hợp với quy hoạch:

- Việc đầu tư dự án phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của huyện Kbang giai đoạn 2021-2025. Phù hợp với quy hoạch xây dựng chung của huyện tại Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của UBND tỉnh Gia Lai -V/v phê

duyet đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2035.

II.2 Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư:

1/ Mục tiêu:

Hoàn thiện cơ sở hạ tầng, kiên cố hóa đường giao thông, tạo vẻ mỹ quan khu vực trung tâm thị trấn. Tạo tiền đề phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng và nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân.

2/ Quy mô dự kiến:

Căn cứ chủ trương, hiện trạng tuyến đường, quy mô tuyến đường đã được đầu tư, các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành. Đoạn tuyến được thiết kế theo tiêu chuẩn Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế (TCXDVN 104-2007): Cấp đường phố gom, $V_{tk}=40\text{km/h}$. Quy mô cụ thể như sau:

- + Loại công trình: Công trình giao thông đô thị;
- + Cấp công trình: Công trình cấp III (thông tư số 07/2019/TT-BXD).
- + Cấp kỹ thuật: Vận tốc thiết kế 40km/h .
- + Quy mô đầu tư: Chiều dài thiết kế $L1=2.795,50\text{m}$.

➤ Mặt cắt ngang theo quy hoạch:

- + Chỉ giới xây dựng : $20,0\text{m}$.
- + Bề rộng lòng đường : $B_m = 10,5\text{m}$ (kể cả đan rãnh).
- + Bề rộng hè đường : $B_{vh} = 4,75\text{m} \times 2$ (kể cả bó vỉa).

Tần suất và tải trọng thiết kế:

- + Tần suất thiết kế : 4% với tuyến đường và cống.
- + Tải trọng thiết kế nền, mặt đường: Trục xe 10T .

• Công trình thoát nước:

- Thoát nước dọc: Thiết kế bằng mương xây đập đan và cống tròn BTCT.
 - + Đặt dưới vỉa hè: 300kg/m^2 .
 - + Đặt dưới lòng đường: HL93.
- Thoát nước ngang: Bằng cống BTCT, tải trọng thiết kế HL93.

• Công trình phòng hộ:

Thiết kế hệ thống biển báo, vạch kẻ đường theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

• Giải pháp thiết kế:

a/ Các chỉ tiêu kỹ thuật:

Căn cứ quy mô cấp hạng nêu trên và các quy phạm hiện hành, công trình được thiết kế với các tiêu chuẩn kỹ thuật sau:

BẢNG THỐNG KÊ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	TIÊU CHUẨN
1	Vận tốc thiết kế		40
2	Bề rộng lòng đường (kể cả đan rãnh)	m	10.5
3	Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất	m	60
4	Độ dốc dọc lớn nhất	%	7
5	Bán kính đường cong đứng lồi nhỏ nhất	m	700
6	Bán kính đường cong đứng lõm nhỏ nhất	m	700
7	Dốc ngang mặt đường	%	2

8	Dốc ngang vỉa hè	%	2
9	Độ dốc siêu cao lớn nhất	%	6
10	Tần suất thiết kế		
	+ Tuyến đường	%	4
	+ Công	%	4
11	Tải trọng thiết kế		
	+ Nền, mặt đường	Tải trọng	Trục 10T
	+ Công trình thoát nước	Tải trọng	HL93
12	Môđun đàn hồi yêu cầu (Mặt đường cấp cao A1)	MPa	120

b/ Mặt đường:

Trên cơ sở tận dụng mặt đường BTXM hiện hữu rộng trung bình $B_m=5.0m$ làm móng đường, thiết kế nâng cấp, mở rộng mặt đường đạt bề rộng theo quy hoạch. Kết cấu mặt đường bao gồm 02 dạng như sau:

Dạng 1: Phần mặt đường cũ tận dụng: Kết cấu mặt đường BTN tăng cường.

Dạng 2: Phần mặt đường làm mới mở rộng: Kết cấu mặt đường BTN làm mới.

c/ Đan rãnh, bó vỉa:

- Bó vỉa: Được thiết kế dạng vát xiên rộng 35cm, cao 15.5cm bằng bê tông đá 1x2 M200.

- Đan rãnh: Được thiết kế rộng 25cm, dày 20cm bằng bê tông đá 1x2 M200, tạo dốc ngang 10% về phía bó vỉa.

d/ Hè đường:

Thiết kế rộng 4.75m x 2 bên (kể cả bó vỉa). Kết cấu vỉa hè các đoạn hoàn thiện được lát bằng gạch terrazo.

e/ Hồ trồng cây:

Hồ trồng cây KT(120x120)cm bằng BTXM, bố trí cách khoảng 10m/hồ.

f/ Hệ thống thoát nước:

***Thoát nước dọc:**

Đoạn đi qua khu vực dân cư (đoạn Ngô Mây – Ngã 3 trái đi xã Đông), thoát nước dọc được thiết kế mới bằng mương xây đập đan và cống tròn BTCT. Đoạn còn lại bằng rãnh đất, rãnh xây và mương xây hở.

***Thoát nước ngang:**

- Tận dụng các cống cũ còn tốt, đảm bảo khẩu độ, tiến hành nối cống để phù hợp với quy mô thiết kế.

- Thiết kế thay thế các cống cũ hư hỏng, thiếu khẩu độ và thiết kế bổ sung các vị trí chưa có cống.

***Công trình Cầu:**

- Cầu Ka Nát: Khổ cầu $B_c=(4+1.25 \times 2)$, $L_c=132.0m$: Tận dụng.

- Cầu Đăk Ja: Khổ cầu $B_c=(4+0.5 \times 2)$, $L_c=15.0m$: Thiết kế cải tạo mở rộng khổ cầu phù hợp với quy mô thiết kế.

g/ An toàn giao thông:

Để đảm bảo an toàn giao thông trên các đoạn tuyến, thiết kế hệ thống biển báo, vạch kẻ đường theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

3/ Địa điểm và phạm vi đầu tư:

- Địa điểm xây dựng: Thị trấn KBang, huyện KBang, tỉnh Gia Lai.

- Phạm vi đầu tư:

+ Điểm đầu : Km0+0.00m (Giao đường Ngô Mây).

+ Điểm cuối : Km2+795,50m (Giao QL Trường Sơn Đông – Km298+700.0m).

Chiều dài đoạn tuyến: $L=2.795,50m$.

II.3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án:

1/ Dự kiến tổng mức đầu tư: 55.000.000.000 đồng.

2/ Cơ cấu nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh năm 2021-2023.

II.4. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả:

- Thiết kế theo hai bước :

+ Bước 1: Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

+ Bước 2: Thiết kế bản vẽ thi công.

- Thời gian thực hiện: 2021-2023.

- Nguồn vốn đầu tư : 55,0 tỷ đồng trong đó:

+ Tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh: 55,0 tỷ đồng.

+ Ngân sách huyện:

Năm	Nguồn vốn ngân sách tỉnh (Triệu đồng)	Nguồn vốn ngân sách huyện (Triệu đồng)	Ghi chú
2021	10.000		
2022-2023	45.000		

II.5. Xác định sơ bộ các chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành:

1. Các chi phí liên quan trong quá trình thực hiện dự án:

Vận dụng định mức suất vốn đầu tư tại Quyết định số 44/QĐ-BXD ngày 14/01/2020 của Bộ xây dựng về Công bố suất đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận, kết cấu công trình năm 2018; và lấy theo một số công trình tương tự đã được đầu tư trên địa bàn huyện năm từ năm 2018-2020 như: (công trình: Đường nội thị, thị trấn KBang; công trình: Cải tạo, nâng cấp đường Trần Hưng Đạo; công trình: Cải tạo, nâng cấp đường Võ Thị Sáu; công trình Đường Y wừu).

Trong đó:

-Áp dụng suất vốn đầu tư cho 1Km đường giao thông cấp III (mặt đường BTN), khu vực 2, đường miền núi tại điểm 14120.20, bảng 53, mục 1.2 chương IV- Suất vốn đầu tư công trình giao thông tại Quyết định số 44/QĐ-BXD ngày 14/01/2020 của Bộ Xây dựng; theo đó chi phí xây lắp khoảng 28.885 triệu đồng/Km.

-Trên cơ sở xác định khối lượng tính theo thiết kế cơ sở, biện pháp thi công và hệ thống định mức, đơn giá xây dựng, chế độ chính sách liên quan từng dự án.

XÁC ĐỊNH SƠ BỘ CÁC CHI PHÍ XÂY DỰNG

STT	Hạng mục	Thành tiền
1	Chi phí GPMB (tạm tính)	3.000.000.000
2	Chi phí xây dựng sau thuế	40.605.500.000
3	Chi phí quản lý dự án	864.200.000
4	Chi phí TVĐT xây dựng	4.292.000.000
5	Chi phí khác	738.300.000
6	Dự phòng	5.500.000.000
7	Tổng cộng	55.000.000.000

2. Chi phí duy tu bảo dưỡng và vận hành dự án sau khi hoàn thành:

2.1 Yêu cầu công tác bảo dưỡng:

Để tuyến đường được khai thác hiệu quả, cần thường xuyên tiến hành công tác duy tu, bảo dưỡng. Cần thực hiện các yêu cầu sau:

- Thường xuyên kiểm tra tuyến và các công trình liên quan trên tuyến và có giải pháp xử lý nhanh chóng, kịp thời.

- Luôn đảm bảo hệ thống thoát nước trên tuyến đảm bảo thoát nước tốt bao gồm: Cống thoát nước ngang, rãnh dọc, lè đường, mái taluy. Giữ cống, rãnh thoát nước tốt bằng cách dọn sạch bùn đất, nạo vét, thông thoáng thượng hạ lưu cống.

- Tiến hành công tác duy tu sửa chữa định kỳ hàng năm sau mùa mưa.

2.2 Tổ chức thực hiện:

- Công tác sửa chữa nhỏ duy tu định kỳ, giao cho đơn vị được bàn giao, khai thác, sử dụng công trình thực hiện nhằm đảm bảo công tác duy tu, bảo dưỡng thực hiện thường xuyên bằng nguồn vốn chi thường xuyên cho công tác duy tu, sửa chữa, vận hành.

II.6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội:

1. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động môi trường, xã hội:

Dự án cải tạo nâng cấp theo các tuyến đường hiện có của khu vực dân cư nên việc ảnh hưởng đến môi trường là vấn đề không thể tránh khỏi. Các tác động gồm:

1.1. Đánh giá sự phù hợp: Với những đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội, địa hình khu vực tương đối bằng phẳng, điều kiện giao thông, thời tiết thuận lợi và qua sự khảo sát của Chủ đầu tư thì địa điểm lựa chọn thực hiện dự án là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch, kế hoạch của huyện đã được phê duyệt.

1.2. Nhận dạng, dự báo các tác động môi trường chính có thể xảy ra của dự án: Những nguồn gây tác động đến môi trường của dự án được chia thành 2 nhóm: nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải và nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải.

Để nhận định, phân tích, đánh giá đầy đủ các ảnh hưởng của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và sức khỏe cộng đồng dọc theo tuyến đường, các tác động môi trường trong báo cáo được đánh giá qua ba giai đoạn chính:

- Giai đoạn chuẩn bị: hoạt động giải tỏa, đền bù và giải phóng mặt bằng.

- Giai đoạn thi công xây dựng dự án.

- Giai đoạn hoạt động và vận hành dự án.

1.3. Đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:

Giai đoạn thi công xây dựng dự án bao gồm các hoạt động sau:

Tập trung công nhân, xây dựng lán trại;

Tập trung máy móc, phương tiện, thiết bị thi công;

Vận chuyển, tập kết vật tư, vật liệu xây dựng;

Thi công các hạng mục công trình;

Hoàn thiện, nghiệm thu bàn giao cho đơn vị quản lý vận hành.

a. Tác động của bụi, khí thải

Đây là tác động đáng quan tâm nhất trong quá trình thi công xây dựng công trình. Hoạt động thi công phát sinh bụi và khí thải từ các nguồn sau:

+ Bụi phát sinh ra từ quá trình san gạt, đào đắp đất đá, hoạt động san ủi mặt bằng nền đường và xây dựng các hạng mục công trình.

+ Bụi phát sinh ra từ quá trình vận chuyển và tập kết vật liệu xây dựng (đất, đá, xi măng,...), các thiết bị thi công.

+ Bụi và khí thải (CO_x , SO_2 , NO_x , VOC,...) phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông.

+ Khí thải phát sinh từ quá trình rải nhựa đường (do quá trình đun nấu nhựa) và thảm bê tông nhựa.

+ Khí thải phát sinh từ quá trình phân hủy rác thải sinh hoạt của công nhân tại các lán trại và rác thải sinh hoạt tại các khu dân cư dọc tuyến đường.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động nấu và thảm nhựa đường: Hoạt động nấu nhựa đường làm phát sinh các khí độc như H_2S , hydrocarbon. Tuy nhiên, hoạt động này không diễn ra thường xuyên, do đó ảnh hưởng của hoạt động nấu nhựa đường đến môi trường không khí và sức khỏe cộng đồng trong giai đoạn thi công, xây dựng dự án mang tính chất gián đoạn, tạm thời.

b. Tác động của chất thải rắn xây dựng và sinh hoạt.

Phế thải phát sinh từ các hoạt động xây dựng gồm: bao bì đựng vật liệu xây dựng, các loại vật liệu xây dựng dư thừa như cát, đá, xi măng, bê tông rơi vãi, ốc vít hư hỏng....

c. Tác động của chất thải nguy hại.

Trong giai đoạn thi công xây dựng dự án, trên công trường xây dựng sẽ không tránh khỏi việc phát sinh chất thải nguy hại như: dầu nhớt thải được thải ra từ quá trình bảo dưỡng, sửa chữa các loại máy móc, thiết bị thi công; các loại hóa chất phục vụ thi công.... Theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT thì dầu nhớt thải và các loại hóa chất này thuộc danh mục các chất thải nguy hại cần phải được thu gom và xử lý riêng.

d. Tác động của nước thải.

- Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt của công nhân chủ yếu là nước tắm, rửa sau giờ làm việc, nước thải từ khu lán trại.

- Nước thải xây dựng

Nước thải xây dựng bao gồm: nước thải từ quá trình trộn vữa và làm ẩm nguyên vật liệu và nước thải từ hoạt động rửa dụng cụ và bảo dưỡng công trình. Hoạt động

này sẽ thường xuyên thực hiện trong suốt giai đoạn xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

- Nước mưa chảy tràn

Nước mưa chảy tràn chỉ phát sinh trong những ngày trời mưa; lưu lượng phụ thuộc vào mùa, ngày, bề mặt đất, độ dốc địa hình,...

e. Tác động của tiếng ồn, độ rung

Trong giai đoạn thi công xây dựng dự án, hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, của máy móc thiết bị thi công trên công trường xây dựng làm phát sinh tiếng ồn gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người công nhân trên công trường xây dựng, người dân khu vực lân cận dự án.

f. Tác động đến môi trường đất

- Hoạt động thi công xây dựng gây nên xáo trộn, hủy hoại thảm thực vật và làm tăng nguy cơ xói mòn, bạc màu cho khu đất.

g. Tác động đến dòng chảy sông, suối (nếu có)

+ Trong quá trình xây dựng các mố cầu, chân cầu và hoạt động của các phương tiện hỗ trợ thi công trên sông, suối có thể làm ảnh hưởng đến dòng chảy sông suối tại vị trí thi công cầu. Các vật rắn, nguyên vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, bê tông...) rớt xuống lòng kênh mương có thể làm ngăn cản, tắc nghẽn dòng chảy.

k. Tác động đến đời sống cộng đồng và các hoạt động kinh tế - xã hội

Tác động tiêu cực:

+ Các tác động như đã phân tích ở trên (ô nhiễm do bụi, khí, tiếng ồn, độ rung...) gây ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân và dân cư xung quanh khu vực công trình, làm tăng chi phí xã hội cho việc khám chữa bệnh, đồng thời làm giảm năng suất lao động.

+ Mâu thuẫn, bất đồng có thể xảy ra giữa công nhân tham gia xây dựng công trình với người dân địa phương do sự khác biệt về lối sống, thu nhập.

+ Sự du nhập, gia tăng các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm, cờ bạc,... Đây là thực tế xảy ra khá phổ biến tại các lán trại xây dựng và khu dân cư xung quanh.

+ Gia tăng khả năng lây lan các dịch bệnh của công nhân thi công dự án từ nơi khác đến nơi thực hiện dự án.

Tác động tích cực:

Ngoài các tác động tiêu cực về kinh tế, xã hội, quá trình thi công dự án còn tạo ra một số tác động tích cực sau:

+ Tạo thêm công ăn việc làm cho người dân trong khu vực như tham gia vận chuyển vật tư, thiết bị, đào, đắp đất đá, thi công công trình,...

+ Góp phần tăng trưởng cho các hoạt động thương mại, dịch vụ cung ứng vật liệu xây dựng, vận tải và các dịch vụ phục vụ tiêu dùng khác.

1.4. Đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn vận hành, sử dụng dự án

Các tác động đến môi trường trong giai đoạn vận hành và sử dụng tuyến đường chủ yếu do hoạt động của các phương tiện giao thông, sinh hoạt của người dân, hoạt động của khách qua đường,...

a. Tác động của bụi và khí thải

Khi tuyến đường được đưa vào vận hành và sử dụng, lưu lượng xe lưu thông hằng ngày sẽ tăng lên so với hiện tại. Hoạt động của các phương tiện giao thông làm

phát sinh bụi, bụi cao su (do sự bào mòn giữa lốp xe và mặt đường) và khí thải (CO_x , NO_x , SO_x , VOC ,...) trong quá trình lưu thông.

b. Tác động của nước thải: Khi dự án đi vào hoạt động có thể sẽ hình thành thêm các khu dân cư, cụm dịch vụ nhằm khai thác lợi thế về kinh tế và thương mại của tuyến đường, gia tăng lưu lượng phương tiện giao thông hoạt động trên tuyến đường, dẫn đến tăng nguy cơ gây ô nhiễm đến môi trường nước.

c. Tác động của chất thải rắn: Chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn này chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của người dân địa phương (tại các hàng quán dọc tuyến và hoạt động sinh hoạt của người dân) và khách qua lại trên tuyến đường (bao bì, hộp đựng thức ăn, túi nylon, thức ăn thừa,...)

d. Sự gia tăng các khu dân cư và cụm dịch vụ

Khi tuyến đường đi vào hoàn thiện, chất lượng đường được nâng cấp sẽ dẫn đến khả năng hình thành thêm các khu dân cư và cụm dịch vụ dọc tuyến nhằm khai thác tối đa lợi thế về thương mại. Việc gia tăng thêm các khu dân cư, cụm dịch vụ dọc tuyến góp phần phát triển hoạt động thương mại tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên quá trình phát triển này cũng gián tiếp tạo thêm các nguồn gây ô nhiễm mới và gây ảnh hưởng đến cảnh quan và hệ sinh thái xung quanh khu vực dự án.

e. Tác động của tiếng ồn, độ rung

Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn vận hành và sử dụng dự án chủ yếu là độ rung, tiếng ồn do các phương tiện lưu thông trên tuyến đường gây ra.

Nguồn tác động này không định lượng được do phụ thuộc vào nhiều yếu tố như lưu lượng xe, vận tốc và đặc tính kỹ thuật của các loại xe,..

Tiếng ồn và độ rung do các phương tiện giao thông gây ra sẽ làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân sinh sống dọc hai bên tuyến đường. Đồng thời, độ rung cũng là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến độ bền vững của các công trình kiến trúc, nhà ở dọc theo tuyến.

1.5. Những nội dung sẽ được đánh giá trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường hoặc cấp phép môi trường (nếu có):

Việc đánh giá các tác động đến môi trường do thực hiện Dự án được dựa trên quy hoạch của dự án cũng như các nguồn chất thải và các đặc điểm môi trường hiện tại trong khu vực của dự án. Đánh giá được thực hiện theo những nội dung như sau:

- Đánh giá các tác động đối với bụi, khí thải.
 - Đánh giá các tác động đối với môi trường nước.
 - Đánh giá các tác động đối với chất thải rắn.
 - Đánh giá Tác động của tiếng ồn, độ rung.
 - Đánh giá Tác động đến môi trường đất.
 - Đánh giá Tác động đến tài nguyên sinh vật.
 - Đánh giá Tác động đến dòng chảy sông, suối.
 - Đánh giá Tác động đến đời sống cộng đồng và các hoạt động kinh tế - xã hội.
- + Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện tương ứng với mỗi tác động được đánh giá.

+ Đề xuất chương trình quản lý và giám sát môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

+ CĐT cam kết thực hiện các giải pháp, phương án bảo vệ môi trường đúng nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt trong suốt quá trình xây dựng và hoạt động dự án.

3/ Xác định sơ bộ về hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội:

- Dự án được đầu tư đáp ứng nhu cầu nguyện vọng của nhân dân trong khu vực.
- Góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, tạo hành lang thông thoáng và đảm bảo mỹ quan khu vực.
- Góp phần củng cố cơ sở hạ tầng khu vực trung tâm Thị trấn.
- Đảm bảo giao thông thuận lợi, tạo tiền đề phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo trật tự, an ninh quốc phòng.

II.7 Phân chia các dự án thành phần: Không có.

II.8 Các giải pháp tổ chức thực hiện:

1/ Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Kbang.

2/ Hình thức quản lý dự án: Thực hiện theo Nghị định số 59/2015/NĐ - CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

3/ Chủ đầu tư tổ chức xây dựng công trình theo mức vốn bố trí hàng năm nhằm tránh tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.

4/ Toàn bộ các nội dung báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang; huyện Kbang, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình thực hiện, tùy tình hình cụ thể và thực tế có thể điều chỉnh, bổ sung trong quá trình khảo sát thiết kế cho phù hợp.

5/ UBND huyện Kbang kính trình UBND tỉnh Gia Lai Quyết định chủ trương đầu tư dự án: Đường Hai Bà Trưng, thị trấn Kbang; huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo HĐND, UBND huyện;
- CVP, các PVP;
- TC-KH; KT-HT; BQL;
- Lưu: VT, CV tổng hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Văn Dũng

BẢNG DIỄN GIẢI CHI PHÍ XÂY DỰNG THEO SUẤT ĐẦU TƯ

CÔNG TRÌNH : ĐƯỜNG HAI BÀ TRUNG, THỊ TRẤN KBANG
 HẠNG MỤC : NỀN, MẶT ĐƯỜNG & HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC
 ĐỊA ĐIỂM : THỊ TRẤN KBANG - HUYỆN K'BANG - TỈNH GIA LAI

STT	Hạng mục công tác	ĐVT	Quy mô, công suất của dự án	suất đầu tư tính cho 1 đơn vị	Hệ số điều chỉnh suất đầu tư theo khảo từ các dự án tương tự	chi phí XD theo suất đầu tư ($G_{xdct}=P+S_{xd} \times K_{ĐCXD}$)	Chi phí xây dựng sơ bộ (G^{SB}_{XDCT})
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(9)=(7)+(8)
I.1	Nền, mặt đường					18,452,150,000	18,452,150,000
	Nền đường	m2	28,424.0	100,000		2,842,400,000	
	Mặt đường BTN nóng	m2	28,424.0	500,000		14,212,000,000	
	Bó vỉa đan rãnh	m	5,591.0	250,000		1,397,750,000	
I.2	Vỉa hè, hố trồng cây					6,054,000,000	6,054,000,000
	Vỉa hè	m2	19,680.0	300,000		5,904,000,000	
	Hố trồng cây	Hố	500.0	300,000		150,000,000	
I.3	Hệ thống thoát nước					14,660,000,000	14,660,000,000
	Hệ thống thoát nước dọc (MXDD & cống tròn D80, D100)	m	3,500	1,500,000		5,250,000,000	
	Cống H100x100,L=105m/5Cái (cống TN ngang)	m	105	10,000,000		1,050,000,000	
	Cống H200x200,L=42m/2Cái (cống TN ngang)	m	42	20,000,000		840,000,000	
	Cống H300x300,L=63m/2Cái (cống TN ngang)	m	63	40,000,000		2,520,000,000	
	Mở rộng Cầu dầm BTCT (cầu Đăk Ya)	m2	250	20,000,000		5,000,000,000	
I.4	An toàn giao thông					1,439,350,000	1,439,350,000
	Hệ thống ATGT (tường chắn, biển báo, sơn kẻ đường)	HT	1.0	1,439,350,000		1,439,350,000	
	TỔNG CỘNG XÂY LẬP (I.1+...+I.4)					40,605,500,000	40,605,500,000

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 84 /UBND-KTTH
V/v điều chỉnh nội dung giao
nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ
trương đầu tư các dự án khởi
công mới năm 2021

Gia Lai, ngày 23 tháng 01 năm 2021

Kính gửi:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Văn bản số 6842/BKHĐT-TH ngày 16/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân bổ Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2021;

UBND tỉnh điều chỉnh nội dung giao nhiệm vụ (tại Văn bản số 2374/UBND-KTTH ngày 24/11/2020 của UBND tỉnh) cho các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư cho các dự án khởi công mới năm 2021.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; gửi báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến của các sở, ngành có liên quan, tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định.

Nhận được công văn này, yêu cầu các sở, ban, ngành, thuộc tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, GTVT, NN&PNT, Xây dựng, TTTT (p/h);
- Lưu VT, NL, CNXD, KGVX, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Tiên Đông



Phu lục
DANH MỤC DỰ ÁN GIỚI CỘNG MỖI NĂM 2021 LẬP BẢO CẢO ĐỀ XUẤT CHỮ TR ƯƠNG ĐẦU TƯ
(Kèm theo Văn bản số 84/UBND-KTTH ngày 23/01/2021 của UBND tỉnh)

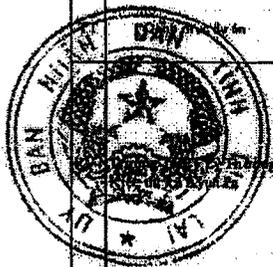
Đơn vị: Triệu đồng

Địa điểm XD	Năng lực thiết kế & trình UBND tỉnh	Thời gian KC-HT	TMBT dự kiến	Dự kiến kế hoạch năm 2021	Đơn vị lập báo cáo đề xuất đầu tư	Dự kiến Chủ đầu tư	Giải chi		
3		5	7	24			27		
			1.111.500	630.500					
			1.102.500	475.500					
			440.000	152.000					
1	Đầu tư trung thuật bị đo lường, thử nghiệm trong lĩnh vực Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng	Phước	Đầu tư Thử nghiệm Hóa - Vật chất, thử nghiệm cơ khí, kiểm tra an toàn thiết bị điện, kiểm định thiết bị trong, kiểm định dụng cụ kỹ thuật, kiểm định các thiết bị đo, kiểm tra chất lượng hàng hóa không phải hàng nhập khẩu. Đầu tư các thí nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn.	2021	20.000	10.000	Sở Khoa học và CN	Sở Khoa học và CN	Đầu tư phát triển kiểm tra và chất lượng, nâng cao năng lực về thử nghiệm chất lượng hàng hóa phục vụ quản lý thị trường, phục vụ doanh nghiệp; kiểm định công bố n các loại sản phẩm, tổ chức, kiểm định công bố các sản phẩm chất lượng dịch vụ để đảm bảo; phân tích để trong nước bảo vệ thương mại; thử nghiệm các sản phẩm, đ u trong không gian trong nước phân; thử nghiệm kiểm tra năng lượng phục vụ phát triển kinh tế, thử nghiệm, đáp ứng nhu cầu và uyển cầu quản lý nhà nước, bảo vệ quyền lợi và sức khỏe người tiêu dùng, hỗ trợ cho các nhân, tổ chức và doanh nghiệp phát triển sản xuất và kinh doanh.
2	Đầu tư xây dựng truyền hình lưu động chuẩn HD	Phước	Xe và thông tin chuyên dụng; Hệ thống camera chuyên dụng; Hệ thống thiết bị hình ảnh; Hệ thống thiết bị âm thanh; Hệ thống phân phối tín hiệu âm thanh v. à hình ảnh; Hệ thống liên lạc nội bộ; Bộ lọc nhiễu; Máy làm sạch; Vật tư phụ kiện lắp đặt và chi phí khác.	2021	29.000	29.000	Sở Thông tin Truyền thông	Đài Phát thanh - Truyền hình Gia Lai	Việc đầu tư xe truyền hình lưu động chuẩn HD sẽ giúp nâng cao khả năng sản xuất nội dung chương trình của Đài Phát thanh - Truyền hình Gia Lai, phục vụ tốt công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, công tác tình báo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, đáp ứng nhu cầu thông tin đa dạng, hướng đáp ứng nhu cầu của nhân dân trong tỉnh; chất lượng của chương trình phát thanh, truyền hình của Đài sẽ được nâng cao chất lượng lên một tầm cao mới, đặc biệt là các chương trình truyền hình trực tiếp của sự kiện lớn trong tỉnh, hình thức thể hiện sẽ thay đổi theo hướng hiện đại; công nghệ sản xuất chương trình sẽ chuyển hoàn toàn sang công nghệ số tiêu chuẩn HD phù hợp với xu thế công nghệ sản xuất chương trình hiện nay và trong thời gian tới.
3	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản trị môi trường tỉnh Gia Lai	các huyện, thị xã, thành phố	Xây dựng hệ thống phần mềm nghiệp vụ quản trị t ài nguyên và môi trường, bao gồm: + Xây dựng phần mềm nghiệp vụ quản trị t ài nguyên và môi trường; Phần hệ quản lý thông tin quản trị t ài nguyên và môi trường; Phần hệ quản lý các dịch vụ liên kết, chia sẻ thông tin, dữ liệu quản trị t ài nguyên và môi trường; Năng cấp, mở rộng hệ thống quản lý dữ liệu quản trị t ài nguyên và môi trường địa phương Gia Lai; Phần hệ trợ nghiệp vụ quản trị t ài nguyên và môi trường. + Xây dựng cơ sở dữ liệu quản trị; Xây dựng cơ sở dữ liệu quản trị quốc gia; Năng cấp, mở rộng cơ sở dữ liệu quản trị t ài nguyên và môi trường. Đào tạo và chuyển giao công nghệ quản lý, vận hành hệ thống. Sản phẩm của dự án: Phần mềm nghiệp vụ quản trị môi trường; Cơ sở dữ liệu quản trị t ài nguyên và môi trường theo đúng quy định;	2021	7.000	7.000	Sở Tài nguyên Môi trường	Sở Tài nguyên Môi trường	Năng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới quan trắc t ài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai, kết nối mạng lưới quan trắc t ài nguyên và môi trường của tỉnh với mạng lưới quan trắc t ài nguyên và môi trường quốc gia; các điểm quan trắc, th ảnh phần, thông số, dữ liệu quan trắc môi trường phù hợp với hiện trạng và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

(Handwritten signature)



STT	Tên dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế & trình UBND tỉnh	Thời gian KC-HT	TMDT dự kiến	Dự kiến kế hoạch năm 2021	Đơn vị lập báo cáo để xuất chủ trương đầu tư	Dự kiến Chủ đầu tư	Chỉ chú
17					762.500	262.500			
1		Phước	Chiều dài khoảng 1.610m; Chiều rộng nền đường: Bên = 30m; Chiều rộng mặt đường: 21,0m; Địa điểm cách giữa.	2021-2022	124.000	25.000	UBND thành phố Phước	UBND thành phố Phước	chính trang để thi, góp phần phát triển kinh tế xã hội
2		An Khê	Tổng chiều dài tuyến L=1.728 Km, nền đường B=16m, mặt đường BTN B=7m, công trình thoát nước, bố vỉa, đèn tín hiệu, hệ thống điện và an toàn giao thông	2021-2022	30.000	15.000	UBND thị xã An Khê	UBND thị xã An Khê	Tăng bước hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật đô thị, đáp ứng nhu cầu giao thông, hướng đến hoàn thành tiêu chí đô thị loại III.
3		Ayup Pa	L=243m, đường BTXM, B=9,5m, B=7,5m, hệ thống thoát nước.	2021	15.000	15.000	UBND thị xã Ayup Pa	UBND thị xã Ayup Pa	Đáp ứng nhu cầu giao thông và mở rộng đô thị góp phần phát triển kinh tế xã hội
4		Chư Sê	Tổng chiều dài tuyến L=274m; mặt đường BTN 2 bên mỗi bên 7,5m; dãi phân cách 2m, công trình thoát nước và an toàn giao thông	2021-2022	30.000	15.000	UBND huyện Chư Sê	UBND huyện Chư Sê	Đáp ứng nhu cầu giao thông và mở rộng đô thị góp phần phát triển kinh tế xã hội
5		Krông Pa	L=2,4km, đường cấp IV miền núi, mặt đường BTXM, hệ thống thoát nước.	2021	10.000	10.000	UBND huyện Krông Pa	UBND huyện Krông Pa	Đáp ứng nhu cầu giao thông và mở rộng đô thị, kết nối liên vùng góp phần phát triển kinh tế xã hội
6		Chư Prông	Tuyến đường dài 140m, trong đó có 01 công trình cầu thép dãi 40m	2021-2022	14.500	10.000	UBND huyện Chư Prông	UBND huyện Chư Prông	Đáp ứng nhu cầu giao thông và mở rộng đô thị, kết nối liên vùng góp phần phát triển kinh tế xã hội
7		Phước Thiện	L=9,8km, đường giao thông nông thôn cấp A	2021-2022	21.000	10.000	UBND huyện Phước Thiện	UBND huyện Phước Thiện	Đáp ứng nhu cầu giao thông, kết nối liên vùng góp phần phát triển kinh tế xã hội
8		Đắk Đoa	L=6,8km, đường giao thông nông thôn cấp A	2021-2022	20.000	10.000	UBND huyện Đắk Đoa	UBND huyện Đắk Đoa	Đáp ứng nhu cầu giao thông, kết nối liên vùng góp phần phát triển kinh tế xã hội
9		Khang	Tổng chiều dài tuyến L=2.755,50m; B=20,0m; B=10,5m; hạ tầng hệ thống thoát nước và vỉa hè, cây xanh.	2021-2022	55.000	10.000	UBND huyện Khang	UBND huyện Khang	Đáp ứng nhu cầu giao thông và mở rộng đô thị, kết nối liên vùng góp phần phát triển kinh tế xã hội
10		Mang Yang	Tổng chiều dài L=6,6km. - Bên = 6,5m, B=3,5m; dự định cho đoạn Km0+0,00 -- Km3+700,00; - Bên = 5,0m, B=3,5m; dự định cho đoạn Km0+0,00 -- Km3+700,00;	2021-2022	34.000	10.000	UBND huyện Mang Yang	UBND huyện Mang Yang	- Đường vào làng Đé Kôn: Được đầu tư cũng hòa tuyến đường tạo điều kiện cho các phương tiện tham gia giao thông của người dân sinh sống trong làng Đé Kôn nơi chúng và nhân dân trên địa bàn huyện nói riêng.
11		Chư Păh	Xây dựng tuyến đường Lê Lợi dài khoảng 3km thuộc thị trấn Phước Hòa, huyện Chư Păh với quy mô: mặt đường rộng 10,5m x 21m, dải phân cách rộng 2m, vỉa hè rộng 3m x 2=10m; xây dựng hệ thống thoát nước, hệ thống an toàn giao thông và các hạng mục phụ.	2021-2022	90.000	10.000	UBND huyện Chư Păh	UBND huyện Chư Păh	Đáp ứng nhu cầu giao thông và mở rộng đô thị, kết nối liên vùng góp phần phát triển kinh tế xã hội
12		Đắk Pơ	L=1,41km, mặt đường rộng 17,5m kể cả dải phân cách rộng 2m, rãnh thoát nước rộng 0,3m x 2=0,6m, nền đường rộng B=25m.	2021-2022	23.000	10.000	UBND huyện Đắk Pơ	UBND huyện Đắk Pơ	- Mở rộng đường Đường Nguyễn Tấn Thôn nhằm chính trang đường vào khu vực trung tâm thị trấn Đắk Pơ, nâng cao giá trị khai thác quỹ đất hiện có tuyến đường nhằm tạo nguồn thu ngân sách cho huyện
13		Đức Cơ	Tổng chiều dài 4,3km, mặt đường rộng 6-10,5m	2021-2022	59.000	10.000	UBND huyện Đức Cơ	UBND huyện Đức Cơ	Tăng cường kết nối giữa thị trấn Chư Ty với xã Ia Đok, Định hướng phát triển thị trấn và phát triển quỹ đất
14		Ia Grai	Tổng chiều dài tuyến: tổng L=9.793,39m thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi.	2021-2022	60.000	10.000	UBND huyện Ia Grai	UBND huyện Ia Grai	Đảm bảo giao thông, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa, nông sản nhằm dân trong vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội địa phương
15		Kông Chro	L=540m; Kênh mương thoát nước (L=270m), B=5,5m x 2=11m; B=5,5m x 11m; B=5,5m. Nền, mặt đường BTXM, vỉa hè, và Công trình thoát nước; Kênh mương bình thường BTXM.	2021-2022	14.500	10.000	UBND huyện Kông Chro	UBND huyện Kông Chro	Đáp ứng nhu cầu giao thông và mở rộng đô thị góp phần phát triển kinh tế xã hội
16		Ia Pa	Tổng chiều dài tuyến L=14,103km, đường cấp IV miền núi	2021-2022	30.000	10.000	UBND huyện Ia Pa	UBND huyện Ia Pa	Đáp ứng nhu cầu giao thông và mở rộng đô thị, kết nối liên vùng góp phần phát triển kinh tế xã hội



	Địa điểm XD	Nội dung đầu tư dự án UBND tỉnh	Thời gian KC-HT	TMĐT dự kiến	Dự kiến kế hoạch năm 2021	Đơn vị tiếp nhận công tác quản lý, thi công và nghiệm thu	Dự kiến Chủ đầu tư	Chi chi
	Ayan pa	<ul style="list-style-type: none"> + Nhà học bộ môn: Tổng diện tích x 1.205m². + Trung tâm kỹ thuật và giảng dạy v à học tập. + Hệ thống PCCC; sân đường bê tông nội bộ và các hạng mục phụ trợ khác. 	2021	10.000	10.000	Sở Giáo dục và Đào	BQL các dự án ĐTXD tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Với việc đầu tư xây dựng các hạng mục cho Trường THPT Lý Thường Kiệt, Thị xã Ayan Pa cũng với sự phát triển chung của tỉnh, cơ sở hạ tầng được nâng cấp đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ, đảm bảo các điều kiện thuận lợi nhất để nâng cao chất lượng giáo dục tại địa phương, thu hút học sinh học tập trong học phố không chỉ ở vùng đặc biệt là dân tộc thiểu số tại địa phương. - Góp phần nâng cao trình độ dân trí, thu hút kinh tế - xã hội địa phương phát triển trên bình diện vùng.
2	Đầu tư hệ thống giáo dục thông minh	<ul style="list-style-type: none"> Trong hệ thống học tiến tiến cho các trường THPT; 20 phòng đầu tư hệ thống camera giám sát các vị trí trọng yếu, thiết bị sinh học, truyền tải thông tin từ trường, trung tâm và Trung tâm điều hành tỉnh 09 hệ thống Phần mềm kết nối điều hành thông minh; Hệ thống quản lý tài sản, kết nối dữ liệu 02 hệ thống. 	2021	18.000	18.000	Sở Giáo dục và Đào	BQL các dự án ĐTXD tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, thi công điều hành, dạy và học. - Nâng cao trình độ CNTT cho đội ngũ trong ngành giáo dục - Phát triển hệ thống thông tin liên lạc, kết nối các trường học - Phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành giáo dục và đào tạo, đồng thời tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các dữ liệu của các lĩnh vực khác - Triển khai thí điểm các mô hình liên lạc đại học, đổi mới dạy và học
4	Trung tâm y tế thị xã An Khê	<ul style="list-style-type: none"> + Khu ngoại tổng hợp v à phòng mổ (khoảng 52 giường bệnh): nh à 2 tầng, diện tích ĐTXD 500m², tổng diện tích x 1000m². Khu xây dựng mới được nối với các khu hiện có bằng cầu nối có mái che. + Sân chơi thể thao bệnh cũ, Hệ thống chiếu sáng khuôn viên bệnh viện, Hệ thống chống cháy chữa cháy v à cứu hỏa. + Các hạng mục phụ trợ: Nhà để xe ô tô và xe máy, Nhà vệ sinh, Nhà để xe, Sân bãi tennis, sân bóng, sân tennis và các hạng mục phụ trợ khác. + Hệ thống xử lý các chất rắn nguy hại của bệnh viện. 	2021	18.000	18.000	Sở Y tế	BQL các dự án ĐTXD tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Với việc đầu tư xây dựng các hạng mục cho Trung tâm y tế thị xã An Khê cũng với sự phát triển chung của tỉnh, cơ sở hạ tầng được nâng cấp đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ, đảm bảo các điều kiện thuận lợi nhất để nâng cao chất lượng y tế toàn diện, bảo đảm nhu cầu khám chữa bệnh tại địa phương. - Góp phần nâng cao chất lượng y tế cơ sở, thu hút kinh tế - xã hội địa phương phát triển trên bình diện vùng.
5	Đầu tư trung tâm kỹ thuật và tuyển huấn	<ul style="list-style-type: none"> Đầu tư trung tâm kỹ thuật và các bệnh viện, trung tâm y tế: Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Bệnh viện Nhi; Bệnh viện 331; các Trung tâm y tế thị xã An Khê, Ayan Pa, huyện Phú Thiện, Krông. 	2021	40.000	40.000	Sở Y tế	BQL các dự án ĐTXD tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu quả về chuyên môn: Việc đầu tư trang thiết bị y tế như trên sẽ giúp công tác chẩn đoán sớm, khám và điều trị được kịp thời, nhanh chóng, chính xác. Đồng thời, tạo điều kiện cho các bác sĩ thực hành được nhiều kỹ thuật y tế, nâng cao tay nghề, nâng cao chất lượng và hiệu quả khám chữa bệnh, điều trị cho người dân. - Hiệu quả về kinh tế: Trung tâm kỹ thuật và thi công vào hoạt động sẽ tạo ra nguồn thu tại bệnh viện để chi đầu tư mua sắm trang thiết bị, máy móc mới, đồng thời góp phần cải thiện đời sống của bộ viên chức trong bệnh viện. Sau khi đầu tư xong, thiết bị mới, các dịch vụ kỹ thuật y tế được tổ chức được hiện nhiều hơn, điều trị được nhiều bệnh nhân hơn, đặc biệt là những đối tượng ưu tiên như người nghèo, người dân tộc thiểu số. Từ đó chi phí điều trị cho bệnh nhân cũng như chi phí và thời gian của người mới bệnh sẽ giảm nhiều, như chi phí đi lại, chi phí ăn ở, thời gian ngưng làm việc do ốm đau của người bệnh và người đi nuôi bệnh. - Hiệu quả về xã hội: Đầu tư trong thiết bị y tế mới là nhằm mở rộng việc khám - chữa bệnh cho nhân dân, sẽ làm cho người dân ngày càng tin tưởng vào đường lối - chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước. Người dân ngày càng yên tâm ổn định cuộc sống và chăm lo phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.
B	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG			1.000.000	173.000			

**UBND TỈNH GIA LAI
SỞ XÂY DỰNG**

Số: 2238/SXD-QLCL

V/v tham gia ý kiến thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án đầu tư công dự kiến khởi công mới năm 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày 18 tháng 12 năm 2020

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Xây dựng nhận được Công văn số 2752, 2778/SKHĐT-ĐTTĐ&GSĐT ngày 27/11/2020 và Công văn số 2818/SKHĐT-ĐTTĐ&GSĐT ngày 02/12/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án đầu tư công dự kiến khởi công mới năm 2021 (Đợt 1, 2, 3).

Sau khi nghiên cứu, xem xét nội dung các báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư kèm theo công văn trên, Sở Xây dựng có ý kiến đối với các công trình thuộc lĩnh vực quản lý như sau:

I. Về quy hoạch và quy mô các Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

1. Đường giao thông nội thị thị xã An Khê.

- Về sự cần thiết đầu tư: Thống nhất với nội dung về sự cần thiết đầu tư nêu trong các báo cáo đề xuất.

- Về quy hoạch và quy mô đầu tư:

+ Đường QHD1, QHD2, QHD5, QHD7, QHD11, QHD13, QH14, QHD15, QHD22, QHD23, QHD24, QHD25, QHD26, QHD27: Quy mô bề rộng nền đường, mặt đường đề xuất chủ trương đầu tư cơ bản phù hợp với quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 18/9/2015 của UBND thị xã An Khê. Lưu ý việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật như điện chiếu sáng, cấp nước... và kết nối hạ tầng để đảm bảo đúng mục tiêu đầu tư của dự án.

+ Các tuyến đường QHD9, QH10, QHD11, QHD12, đường Quy hoạch khu đô thị phường An Tân, Tôn Đức Thắng, đường Vành đai Phía Nam: Quy mô mặt cắt ngang đề xuất chủ trương đầu tư chưa phù hợp với quy hoạch được duyệt Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 18/9/2015 của UBND thị xã An Khê. Tuy nhiên hiện nay địa phương đã cập nhật, bổ sung quy mô đề xuất đầu tư vào điều chỉnh quy hoạch chung và đang trình thẩm định, phê duyệt do đó chủ đầu tư phải cam kết việc lựa chọn quy mô các tuyến đường phải phù hợp với quy hoạch đang điều chỉnh và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh. Trường hợp phân kỳ đầu tư đề nghị lưu ý không để vướng xây thoát nước nằm trong phạm vi mặt đường quy hoạch mở rộng sau này.

2. Đường giao thông nội thị huyện Chư Sê.

- Về sự cần thiết đầu tư: Thống nhất với nội dung về sự cần thiết đầu tư nêu trong các báo cáo đề xuất.

- Về quy hoạch và quy mô đầu tư các tuyến đường: Mặt cắt ngang theo báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư cơ bản phù hợp với quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh.

3. Đường giao thông nội thị huyện Krông Pa.

- Về sự cần thiết đầu tư: Thống nhất với nội dung về sự cần thiết đầu tư nêu trong các báo cáo đề xuất.

- Về quy hoạch và quy mô đầu tư: Hướng tuyến đường Trần Hưng Đạo (đoạn QH D2 đến Lê Hồng Phong) và đường Tô Vĩnh Diện, đường quy hoạch D2, đề xuất chủ trương đầu tư chưa phù hợp với hướng tuyến của quy hoạch được duyệt tại Quyết định 107/2007/QĐ-UBND ngày 24/12/2007 của UBND tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên hiện nay địa phương đã cập nhật, bổ sung quy mô đề xuất đầu tư vào điều chỉnh quy hoạch chung và đang trình thẩm định, phê duyệt do đó chủ đầu tư phải cam kết việc lựa chọn quy mô các tuyến đường phải phù hợp với quy hoạch đang điều chỉnh và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh.

4. Đường giao thông nội thị huyện Chư Prông.

- Về sự cần thiết đầu tư: Thống nhất với nội dung về sự cần thiết đầu tư nêu trong các báo cáo đề xuất.

- Về quy hoạch và quy mô đầu tư: Hướng tuyến, mặt cắt ngang các tuyến đường đề xuất chủ trương đầu tư cơ bản phù hợp với quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của UBND tỉnh.

5. Đường giao thông nội thị huyện Kbang.

- Về sự cần thiết đầu tư: Thống nhất với nội dung về sự cần thiết đầu tư nêu trong các báo cáo đề xuất.

- Về quy hoạch và quy mô đầu tư: Quy mô mặt cắt ngang các tuyến đường đề xuất chủ trương đầu tư cơ bản phù hợp với quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của UBND tỉnh.

6. Đường giao thông nội thị huyện Đức Cơ.

- Về sự cần thiết đầu tư: Thống nhất với nội dung về sự cần thiết đầu tư nêu trong các báo cáo đề xuất.

- Về quy hoạch và quy mô đầu tư: Hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư cơ bản phù hợp với theo quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 105/2006/QĐ-UBND ngày 08/12/2006 của UBND tỉnh Gia Lai.

7. Chính trang đô thị huyện Ia Grai.

- Về sự cần thiết đầu tư: Thống nhất với nội dung về sự cần thiết đầu tư nêu trong các báo cáo đề xuất.

- Về quy hoạch và quy mô đầu tư của các tuyến đường: Hướng tuyến, mặt cắt ngang đề xuất chủ trương đầu tư cơ bản phù hợp với quy hoạch được duyệt tại

Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 30/12/2009 của UBND huyện Ia Grai. Lưu ý việc đầu tư vỉa hè và hạ tầng kỹ thuật.

8. Đường giao thông nội thị huyện Chư Pưh.

- Về sự cần thiết đầu tư: Thống nhất với nội dung về sự cần thiết đầu tư nêu trong các báo cáo đề xuất.

- Về quy hoạch và quy mô đầu tư: Hướng tuyến, mặt đường đề xuất chủ trương đầu tư cơ bản phù hợp với quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Nhơn Hòa, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Lưu ý việc đầu tư vỉa hè và hạ tầng kỹ thuật.

9. Đường giao thông nội thị huyện Đak Đoa.

- Về sự cần thiết đầu tư: Thống nhất với nội dung về sự cần thiết đầu tư nêu trong các báo cáo đề xuất.

- Về quy hoạch và quy mô đầu tư các tuyến đường: Quy mô bề rộng nền đường, mặt đường đề xuất chủ trương đầu tư cơ bản phù hợp theo quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 4281/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND huyện Đak Đoa về phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm hành chính huyện, kết hợp khu dân cư thị trấn Đak Đoa. Lưu ý việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật như điện chiếu sáng, cấp nước... và kết nối hạ tầng để đảm bảo đúng mục tiêu đầu tư của dự án.

10. Đường giao thông nội thị huyện Mang Yang.

- Về sự cần thiết đầu tư: Thống nhất với nội dung về sự cần thiết đầu tư nêu trong các báo cáo đề xuất.

- Về quy hoạch và quy mô đầu tư các tuyến đường (đường Quy hoạch D1, D3, D2, D4, D5, D6, đường Lê Quý Đôn, Tôn Đức Thắng, Quang Trung, Trần Phú, đường Vành đai Phía Bắc): Quy mô nền đường, mặt đường đề xuất chủ trương đầu tư cơ bản phù hợp theo quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 08/01/2014. Riêng đường Vành đai Phía Bắc hướng tuyến phù hợp với quy hoạch được duyệt, đề xuất chủ trương đầu tư mặt cắt ngang chưa phù hợp với quy hoạch được duyệt. Lưu ý việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật như điện chiếu sáng, cấp nước... và kết nối hạ tầng để đảm bảo đúng mục tiêu đầu tư của dự án.

11. Đường giao thông nội thị huyện Đak Pơ.

- Về sự cần thiết đầu tư: Thống nhất với nội dung về sự cần thiết đầu tư nêu trong các báo cáo đề xuất.

- Về quy hoạch và quy mô đầu tư (đường Nguyễn Tất Thành): theo quy được duyệt mặt cắt 4A-4A, bề rộng nền 25m, mặt đường rộng 17m (kể cả dải phân cách rộng 1m), đề xuất chủ trương đầu tư nền đường 25m, nâng cấp mở rộng mặt đường 17m (kể cả dải phân cách rộng 2m). Đề xuất chủ trương dải phân cách chưa phù hợp với quy hoạch được duyệt. Tuy nhiên hiện nay địa phương đã cập nhật, bổ sung quy mô đề xuất đầu tư vào điều chỉnh quy hoạch

chung và đang trình thẩm định, phê duyệt do đó chủ đầu tư phải cam kết việc lựa chọn quy mô các tuyến đường phải phù hợp với quy hoạch đang điều chỉnh và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh.

12. Đường giao thông nội thị huyện Kông Chro.

- Về sự cần thiết đầu tư: Thống nhất với nội dung về sự cần thiết đầu tư nêu trong các báo cáo đề xuất.

- Về quy hoạch và quy mô đầu tư:

+ Đường quy hoạch giao thông (quy hoạch được duyệt là đường Đ2, Đ3): Quy mô bề rộng nền đường, mặt đường, vỉa hè, kênh dẫn nước đề xuất chủ trương đầu tư cơ bản phù hợp theo quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND huyện Kông Chro về phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại 03 điểm dân cư thuộc tổ 1, tổ dân phố Plei Hlektu, thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro.

+ Các đoạn tuyến đường Kpă Klong, Trần Phú, Võ Thị Sáu, Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Trãi, Anh Hùng Núp, D7: Đề xuất chủ trương đầu tư chưa phù hợp với quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 78/QĐ-UBND tỉnh Gia Lai ngày 28/02/2020. Tuy nhiên hiện nay địa phương đã cập nhật, bổ sung quy mô đề xuất đầu tư vào điều chỉnh quy hoạch chung và đang trình thẩm định, phê duyệt do đó chủ đầu tư phải cam kết việc lựa chọn quy mô các tuyến đường phải phù hợp với quy hoạch đang điều chỉnh và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh. Xem xét nếu phân kỳ đầu tư chú ý không để hệ thống thoát nước nằm trong phạm vi mặt đường quy hoạch, tránh lãng phí trong việc mở rộng mặt đường sau này.

13. Đường giao thông nội thị huyện Chư Păh.

- Về sự cần thiết đầu tư: Thống nhất với nội dung về sự cần thiết đầu tư nêu trong các báo cáo đề xuất.

- Về quy hoạch và quy mô đầu tư: Đường Lê Lợi (Quốc lộ 14), thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, địa phương đã cập nhật, bổ sung quy mô đề xuất đầu tư vào điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Phú Hòa và đang trình thẩm định phê duyệt do đó chủ đầu tư phải cam kết việc lựa chọn quy mô các tuyến đường phải phù hợp với quy hoạch đang điều chỉnh và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh. Trong quá trình triển khai đầu tư, đề nghị UBND huyện Chư Păh lưu ý thực hiện đảm bảo theo các quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư 50/2015/TT BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ GTVT hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010.

14. Chính trang đô thị huyện Ia Pa.

- Về sự cần thiết đầu tư: Thống nhất với nội dung về sự cần thiết đầu tư nêu trong các báo cáo đề xuất.

- Về quy hoạch và quy mô đầu tư: Đường Trường Chinh đề nghị đơn vị lập đề xuất chủ trương đầu tư xem xét hiện trạng dân cư để đánh giá sự cần thiết

việc đầu tư, từ đó có cơ sở đề xuất tiếp tục đầu tư mở rộng mặt đường theo quy hoạch được duyệt (vì đoạn tuyến đường này đã được đầu tư xây dựng hoàn thành tháng 11/2020). Riêng đường Nguyễn Văn Linh, đường Phạm Hồng Thái và đường Phạm Đình Phùng đề xuất bề rộng mặt đường phù hợp với quy hoạch được duyệt.

15. Đường giao thông nội thị huyện Phú Thiện.

- Về sự cần thiết đầu tư: Thống nhất với nội dung về sự cần thiết đầu tư nêu trong các báo cáo đề xuất.

- Về quy hoạch và quy mô đầu tư: Đường Trường Chinh đề xuất chủ trương đầu tư phù hợp với quy hoạch được duyệt; đường Trần Phú, đoạn tuyến đường A1: Đề xuất chủ trương đầu tư chưa phù hợp với quy hoạch được duyệt; đường Chu Văn An: Hướng tuyến không có trong quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của UBND huyện Phú Thiện. Tuy nhiên hiện nay địa phương đã cập nhật, bổ sung quy mô đề xuất đầu tư vào điều chỉnh quy hoạch chung và đang trình thẩm định, phê duyệt do đó chủ đầu tư phải cam kết việc lựa chọn quy mô các tuyến đường phải phù hợp với quy hoạch đang điều chỉnh và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh.

16. Đường giao thông nội thị thị xã Ayun Pa.

- Về sự cần thiết đầu tư: Thống nhất với nội dung về sự cần thiết đầu tư nêu trong các báo cáo đề xuất.

- Về quy hoạch và quy mô đầu tư: Phương án tuyến các tuyến đường theo báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư cơ bản phù hợp với hướng tuyến quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 01/9/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai đến năm 2030. Xem xét nếu phân kỳ đầu tư chú ý không để hệ thống thoát nước nằm trong phạm vi mặt đường quy hoạch, tránh lãng phí trong việc mở rộng mặt đường sau này.

II. Về tổng mức đầu tư:

Đề nghị các đơn vị được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư căn cứ quy định tại Điều 4, Điều 5, Chương II, Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và trên cơ sở quy mô đã lựa chọn để tính tổng mức đầu tư cho phù hợp, kiểm tra, khảo sát hiện trạng để dự kiến được kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có), tránh trường hợp phải điều chỉnh tổng mức đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện.

Trên đây là ý kiến tham gia của Sở Xây dựng, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Lưu: VT, QLCL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lý Tấn Toàn

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
Số: 2421/SGTVT-QLCLCTGT

V/v tham gia thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công dự kiến khởi công mới năm 2021.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 07 tháng 12 năm 2020

Kính gửi : Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Sở Giao thông vận tải nhận được Công văn số 2752/SKHĐT-ĐTTĐ&GSĐT, số 2778/SKHĐT-ĐTTĐ&GSĐT ngày 27/11/2020 và số 2818/SKHĐT-ĐTTĐ&GSĐT ngày 02/12/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư V/v tham gia thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án đầu tư công dự kiến khởi công mới năm 2021 (Đợt 1, 2, 3). Sau khi nghiên cứu các Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gửi kèm các Công văn trên, Sở Giao thông vận tải có ý kiến đối với các công trình thuộc lĩnh vực quản lý như sau:

1. Về sự cần thiết đầu tư: Thống nhất với nội dung về sự cần thiết đầu tư nêu trong các báo cáo đề xuất.

2. Về quy mô, địa điểm, sự phù hợp với quy hoạch:

- Về quy mô bề rộng nền, mặt đường: Cơ bản thống nhất với bề rộng nền, mặt đường của các tuyến đường nêu trong các báo cáo đề xuất.

- Về quy mô kết cấu: Phương án kết cấu mặt đường của các dự án cơ bản phù hợp với điều kiện địa chất chung của các khu vực đầu tư dự án. Chi tiết kết cấu mặt đường và quy mô cầu sẽ được xác định cụ thể ở bước lập dự án trên cơ sở khảo sát, tính toán của đơn vị tư vấn (lưu ý khảo sát hiện trạng thực tế của các tuyến đường để xác định kết cấu mặt đường cho phù hợp với khả năng khai thác).

- Về sự phù hợp với quy hoạch:

Các dự án được lập có hướng tuyến và quy mô cơ bản phù hợp tính chất của tuyến đường, phù hợp với quy hoạch của địa phương.

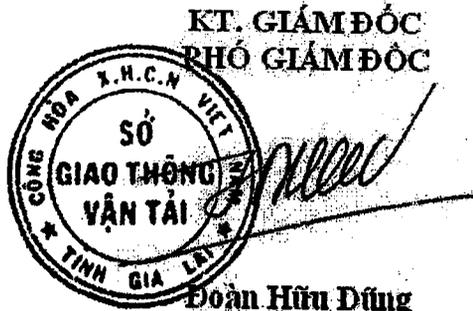
Đối với dự án đường Lê Lợi, thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, địa phương đã cập nhật, bổ sung quy mô đề xuất đầu tư vào điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Phú Hòa và đang trình thẩm định phê duyệt. Trong quá trình triển khai đầu tư, đề nghị UBND huyện Chư Păh lưu ý thực hiện đảm bảo theo các quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ GTVT hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010.

- Về địa điểm: Cơ bản thống nhất với địa điểm đầu tư của các tuyến đường nêu trong các báo cáo đề xuất.

Sở Giao thông vận tải tham gia ý kiến gửi Sở Kế hoạch & Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QLCLCTGT(y).





Ký bởi: Sở Tài nguyên
và Môi trường
Email:
stnm@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Ngày ký: 01/12/2020
09:03:44 +07:00

**UBND TỈNH GIA LAI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4421/STNMT-QHĐĐ

Gia Lai, ngày 30 tháng 11 năm 2020

V/v tham gia thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án đầu tư công dự kiến khởi công mới năm 2021.

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Công văn số 2752/SKHĐT-ĐTTĐ&GSĐT ngày 27/11/2020 của Sở Kế hoạch – Đầu tư về việc tham gia thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án đầu tư công dự kiến khởi công mới năm 2021.

Sau khi nghiên cứu nội dung hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

- Dự án đường giao thông huyện Ia Grai:

Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của huyện Ia Grai 2021-2025 và quy hoạch chi tiết được phê duyệt tại các Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 30/12/2009; Quyết định số 45/2006/QĐ-UBND ngày 03/7/2006.

- Dự án đường giao thông thị xã An Khê:

Phù hợp với quy hoạch chung xây dựng thị xã An Khê đến năm 2035 được Hội đồng nhân dân thị xã thông qua tại Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 19/12/2019.

- Dự án đường giao thông huyện Chư Sê:

Phù hợp với quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tại Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 23/01/2014.

- Dự án đường giao thông huyện Chư Prông:

Phù hợp với quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Prông, huyện Chư Prông đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tại Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 13/3/2020.

- Dự án đường giao thông huyện Krông Pa:

Phù hợp với quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tại Quyết định số 107/2007/QĐ-UBND ngày 24/12/2007.

- Dự án đường giao thông huyện Kbang:

Phù hợp với quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kbang, huyện Kbang đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tại Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 06/3/2020.

- Dự án đường giao thông huyện Chư Puh:

Phù hợp với quy hoạch mạng lưới giao thông huyện Chư Puh đến năm 2030 UBND huyện Chư Puh đã trình tại Tờ trình số 78/TTr-UBND ngày 18/11/2020 hiện đang hoàn thiện hồ sơ trình ban thường vụ Tỉnh ủy để thông qua trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Dự án đường giao thông huyện Đức Cơ:

Phù hợp với quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tại Quyết định số 105/2006/QĐ-UBND ngày 08/12/2006 và đồ án quy hoạch điều chỉnh thị trấn đến năm 2035 hiện đang hoàn thiện hồ sơ trình ban thường vụ Tỉnh ủy để thông qua trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt.

Đề nghị UBND các huyện, thị xã cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2021 để triển khai thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

2. Về môi trường: Thực hiện theo đúng Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

3. Các nội dung khác: Sở Kế hoạch – Đầu tư lấy ý kiến cơ quan chuyên môn, tổng hợp, đề xuất phù hợp theo quy định pháp luật hiện hành.

Trên đây là ý kiến tham gia của Sở Tài nguyên và Môi trường gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các PGĐ;
- CCBVMT (p/h);
- Lưu VT, QH-ĐD.

GIÁM ĐỐC



Phạm Duy Du



Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai
ubndtinh@gialai.gov.vn
Tỉnh Gia Lai
06.03.2020 08:20:35 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 06 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2035.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
- Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;
- Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;
- Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Căn cứ Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;
- Căn cứ Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2035;
- Căn cứ Thông báo số 1889-TB/TU ngày 19/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Xét Tờ trình số 179/TTr-UBND ngày 27/11/2019 của UBND huyện Kbang và Báo cáo thẩm định số 252/BCTĐ-SXD ngày 16/12/2019 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2035 với nội dung như sau:

- Tên quy hoạch: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2035.
- Địa điểm, phạm vi, ranh giới quy hoạch:
 - * Địa điểm: Thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.
 - * Phạm vi, ranh giới quy hoạch: Phạm vi bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính của thị trấn Kbang với diện tích tự nhiên 2.055,06 ha. Ranh giới như sau:
 - Phía Đông giáp xã Đông.

- Phía Tây giáp xã Lo Ku.
- Phía Nam giáp xã Đông.
- Phía Bắc giáp xã Đăk Smar.

3. Tính chất, mục tiêu và quy mô quy hoạch

3.1. Tính chất đô thị:

- Là trung tâm chính trị, kinh tế, lịch sử - văn hóa, du lịch sinh thái và an ninh quốc phòng của huyện Kbang.
- Là cửa ngõ giao lưu kinh tế với các huyện phía đông tỉnh Gia Lai và các huyện lân cận thuộc tỉnh Kon Tum với trọng tâm là thương mại - dịch vụ, du lịch và công nghiệp.

3.2. Mục tiêu quy hoạch:

- Phát huy vị trí, vai trò chiến lược của thị trấn Kbang, phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, khai thác có hiệu quả mối quan hệ liên kết trong vùng tỉnh Gia Lai, đồng thời phát huy các thế mạnh về kinh tế, công nghiệp, du lịch, năng lượng, khoáng sản, nông lâm nghiệp, văn hóa, sinh thái và cảnh quan.
- Xây dựng thị trấn Kbang thành một đô thị có cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ.
- Định hướng giai đoạn sau năm 2030, thị trấn đạt các tiêu chí đô thị loại IV.
- Làm cơ sở để triển khai lập các dự án, lập quy hoạch chi tiết, các chương trình đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển, quản lý đô thị, đảm bảo đô thị phát triển hài hòa và bền vững.

3.3. Quy mô phát triển đô thị:

- * Quy mô dân số: Năm 2019 dân số thị trấn Kbang: 17.037 người.
- Đến năm 2025, dân số thường trú thị trấn Kbang khoảng 20.000 người, dân số quy đổi khoảng 1.000 - 2.000 người.
- Đến năm 2035 dân số thường trú thị trấn Kbang khoảng 23.000 - 25.000 người, dân số quy đổi khoảng 2.000 - 3.000 người.

* Quy mô đất đai:

- Quy mô đất xây dựng đô thị đến năm 2025 là 360 ha.
- Quy mô đất xây dựng đô thị đến năm 2035 là 500 ha.

4. Các chỉ tiêu quy hoạch:

* Chỉ tiêu về sử dụng đất:

- Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị : 150 - 200 m²/người.
- Chỉ tiêu đất dân dụng : 71 - 90 m²/người; trong đó:
- + Chỉ tiêu sử dụng đất ở đô thị : 50 - 62 m²/người.
- + Chỉ tiêu đất công trình công cộng: 6 - 8 m²/người.
- + Chỉ tiêu đất cây xanh : ≥ 5 m²/người.
- + Chỉ tiêu đất giao thông đô thị : 10 - 15 m²/người ($\geq 18\%$ diện tích đất xây dựng đô thị).

* Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

Bảng chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật

Hạng mục	Đơn vị tính	Năm tính	
		2025 (theo chỉ tiêu đô thị loại V)	2035 (theo chỉ tiêu đô thị loại IV)
Giao thông			
Đường chính đô thị			
- Mật độ đường (tính đến đường có chiều rộng lộ giới $\geq 11,5$ m)	km/km ²	$\geq 6,5$	≥ 8
- Tỷ lệ đất giao thông/đất đô thị	%	≥ 18	≥ 18
- Diện tích đất giao thông/dân số nội thị	m ² /ng	≥ 5	≥ 7
- Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng	%	≥ 1	≥ 3
Đường từ huyện đến xã, liên xã, đường từ xã xuống thôn	cấp	$\geq VI$ (mặt đường ≥ 3.5 m, nền đường ≥ 6.5 m)	$\geq VI$ (mặt đường ≥ 3.5 m, nền đường ≥ 6.5 m)
Cấp nước			
Tiêu chuẩn cấp nước đô thị	l/người/ngày	≥ 80	100
- Tỷ lệ cấp nước	%	100	100
Thoát nước bản, quản lý CTR và nghĩa trang			
Tiêu chuẩn nước thải dân dụng	% cấp nước	80%	80%
Thu gom chất thải rắn			
- Tiêu chuẩn chất thải rắn phát sinh	(kg/ng. ng)	0,8	1,0
- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt	%	≥ 85	≥ 90
Nghĩa trang	ha/10.000 người	0,6	0,6
Cấp điện			
- Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt	kw/ng/năm	≥ 250	≥ 500
- Tiêu chuẩn cấp điện công cộng và dịch vụ		30% sinh hoạt	30% sinh hoạt

5. Định hướng phát triển không gian đô thị:

5.1. Phân vùng phát triển

- Vùng phát triển đô thị: Chia làm 4 khu vực chính gồm: Trung tâm hành chính huyện; trung tâm thương mại - dịch vụ; trung tâm văn hoá - giáo dục; khu đô thị mới Tây sông Ba.

- Vùng phát triển nông nghiệp: Dọc hai bên bờ sông Ba và lân cận trong phạm vi hành chính thị trấn.

- Vùng phát triển du lịch:

+ Khu du lịch đồi thông phía Đông Bắc đường Hoàng Hoa Thám; các làng đồng bào Bahnar: Làng Chiêng, làng Nak (hình thức du lịch homestay);

+ Du lịch kết nối với Thác Hang Dơi, Vườn mít - Cảnh đồng Cò Hâu, thủy điện Kanak, dọc bờ Tây sông Ba.

- Vùng cây xanh cảnh quan, không gian mở dọc sông Ba và các sông suối, công viên, thể dục thể thao trong đô thị.

5.2. Định hướng phát triển không gian các khu dân cư

Đến năm 2035, thị trấn Kbang sẽ hình thành các khu dân cư như sau:

* Khu dân cư số 1 (khu dân cư trung tâm):

- Quy mô: Tổng diện tích đất: 154,93ha; dân số: 8.800 người.

- Tính chất, chức năng: trung tâm hành chính cấp huyện, trung tâm thương mại cấp thị trấn, dịch vụ công cộng khu dân cư, đất ở hiện hữu cải tạo chỉnh trang, đất ở xây dựng mới, công viên cây xanh, ...

* Khu dân cư số 2:

- Quy mô: Tổng diện tích đất: 91,46 ha; dân số: 6.500 người.

- Tính chất, chức năng: Trung tâm hành chính cấp thị trấn, trung tâm thương mại cấp thị trấn, dịch vụ công cộng khu dân cư, đất ở hiện hữu cải tạo chỉnh trang, đất ở xây dựng mới, công viên cây xanh,...

* Khu dân cư số 3:

- Quy mô: Tổng diện tích đất: 119,68 ha; dân số: 5.900 người.

- Tính chất, chức năng: Trung tâm giáo dục cấp thị trấn, công viên văn hóa cấp huyện, dịch vụ công cộng khu dân cư, đất ở hiện hữu cải tạo chỉnh trang, đất ở xây dựng mới, công viên cây xanh,...

* Khu dân cư số 4 (khu đô thị mới Tây sông Ba):

- Quy mô: Tổng diện tích đất: 134,52 ha; dân số: 3.000 người.

- Tính chất, chức năng: Dịch vụ công cộng khu dân cư, đất ở hiện hữu cải tạo chỉnh trang, đất ở xây dựng mới, công viên cây xanh, ...

* Ngoài ra còn có khác khu dân cư khác hình thành theo dạng hành lang tuyến gồm: Tuyến dân cư tổ dân phố 3; Tuyến dân cư dọc đường Trường Sơn Đông (phía Bắc thị trấn); Tuyến dân cư dọc đường Lê Văn Tám (phía Đông và phía Tây thị trấn); Tuyến dân cư dọc đường Y Wừu (phía Tây Bắc thị trấn).

5.3 Định hướng các trung tâm chuyên ngành

Xác định 4 trung tâm chuyên ngành chính gồm:

- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp: Sáp nhập các đơn vị trạm khuyến nông, trạm trồng trọt và bảo vệ thực vật, trạm chăn nuôi và thú y để hình thành trung tâm dịch vụ nông nghiệp.

- Trung tâm thương mại: Tại vị trí bến xe cũ, nằm trên các trục đường Phan Bội Châu, Lê Lợi, Ngô Mây.

- Trung tâm y tế: Nằm phía Tây sông Ba.

- Trung tâm liên hợp thể dục thể thao: Vị trí theo đồ án Quy hoạch chi tiết khu dân cư Tây sông Ba.

5.4 Định hướng đầu mối hạ tầng kỹ thuật

- Bến xe thị trấn trên đường Ngô Mây; các bãi đậu xe công cộng kết hợp với các khu công viên, cây xanh đô thị.

- Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước hiện hữu phía Bắc thị trấn; xây mới Nhà máy nước tại vùng thượng lưu suối Đăk Lốp, cách trung tâm thị trấn 2,5 - 3 km.

- Xây dựng mới trạm xử lý nước thải tập trung phía Nam thị trấn.

5.5 Định hướng hệ thống công viên, mảng xanh cảnh quan, không gian mở

- Quy hoạch hệ thống mảng xanh cảnh quan, không gian mở dọc sông Ba, suối Đăk Lốp, suối Đăk JNao.

- Công viên văn hóa thị trấn: nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, hội chợ, ...

- Công viên quảng trường: tổ chức các hình thức cây xanh, đường đi bộ....

5.6 Định hướng phát triển du lịch

Mời gọi đầu tư, khai thác du lịch khu đồi thông, thác Hang Dơi, các làng đồng bào tại làng Chiềng, làng Nak.

6. Định hướng quy hoạch sử dụng đất

Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

Bảng quy hoạch sử dụng đất thị trấn Kbang

Stt	Loại đất	Quy hoạch đến 2025 (20.000 người)			Quy hoạch đến 2035 (25.000 người)		
		Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ	150 - 200	360,00		170 - 200	500,00	
I	ĐẤT DÂN DỤNG	86,00	189,20	100.00	83.00	207.50	100.00
1	Đất ở	60,00	132,00	69.77	50.00	125.00	60.24
2	Đất công cộng-thương mại-dịch vụ	6,00	13,20	6.98	8.00	20.00	9.64
3	Đất cây xanh + TĐTT	8,00	17,60	9.30	10.00	25.00	12.05
4	Đất giao thông	12,00	26,40	13.95	15.00	37.50	18.07
II	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG		170,80			292.50	
1	Đất trung tâm y tế huyện		6,26			6,26	
2	Đất trụ sở Công an huyện		5,21			5,21	
3	Đất an ninh quốc phòng		3,68			3,68	
4	Đất di tích		1,26			1,26	
5	Đất giao thông đối ngoại, bãi đậu xe		25,20			25,95	
6	Đất hạ tầng kỹ thuật (trạm cấp nước, XLNT, trạm điện, ...)		8,50			8,50	
7	Đất các trung tâm dịch vụ, du lịch		20,00			50,00	
8	Đất cây xanh cảnh quan, cây xanh cách ly kết hợp hạ tầng kỹ thuật khác, bãi đậu xe...		100,69			191,64	
B	ĐẤT KHÁC		1.695,06			1.555,06	
1	Đất khu nông nghiệp chất lượng cao		50,44			50,44	
2	Đất nông nghiệp, rừng sản xuất và đồi núi		1.556,33			1.416,33	
3	Đất sông suối, mặt nước		88,29			88,29	
	TỔNG CỘNG		2,055.06			2,055.06	

7. Các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật ngoài ranh giới quy hoạch, có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển đô thị của thị trấn Kbang

- Nghĩa trang: Bố trí nghĩa trang tại xã Lơ Ku (cách thị trấn 5,0km), quy mô 12,0ha.

- Bãi xử lý rác thải: Bố trí tại xã Đông (cách thị trấn 5,0km), quy mô 8,0ha.

- Cụm công nghiệp - Tiêu thụ công nghiệp tại xã Đông, xã Tô Tung, diện tích 30-50ha.

- Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung ở phía Tây thị trấn Kbang, gần đường

Trường Sơn Đông, diện tích 2 ha.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phát triển du lịch: Nhà hàng, khách sạn, các điểm dừng chân, điểm vui chơi giải trí; xây dựng, liên kết các tour du lịch văn hóa - lịch sử - sinh thái đến các điểm du lịch trên địa bàn huyện; xây dựng các thương hiệu đặc sản của Kbang, gắn với mỗi xã một sản phẩm; các sản phẩm truyền thống...

- Đầu tư các cơ sở bảo tồn và sản xuất giống dược liệu kết hợp trồng các loại dược liệu, phát triển các vùng trồng các loại dược liệu quy mô lớn, chế biến sâu các sản phẩm có nguồn gốc dược liệu...

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

8.1. Giao thông

- Giao thông đối ngoại: Đường Trường Sơn Đông (đoạn trong ranh thị trấn), đường Trường Sơn Đông (đoạn ngoài ranh thị trấn), đường tỉnh 669: Từ ngã ba giao lộ đường Quang Trung với đường Hoàng Hoa Thám đến ranh phía Bắc.

* Giao thông đô thị:

- Đường chính đô thị: Gồm các tuyến giao thông chính trong đô thị kết nối với quốc lộ và đường tỉnh dẫn đến các khu công trình hành chính - công cộng - giáo dục - thương mại ... có lộ giới từ 20 m đến 34 m.

- Đường đô thị: Gồm các tuyến giao thông trong đô thị, kết nối với các đường chính đô thị dẫn đến các khu dân cư, có lộ giới 16,5 - 20 m.

Bảng tổng hợp hệ thống giao thông

Stt	Tên loại đường	Lòng đường (m)	Dãi phân cách (m)	Via hè (m)	Chi giới giao thông (m)
1	Mặt cắt 1 - 1	10,5 x 2	02-03	13,5 x 2	50,0
2	Mặt cắt 1 - 1	17		16,5 x 2	50,0
3	Mặt cắt 2 - 2	10,5x2	2	5,5 x 2	34,0
4	Mặt cắt 2 - 2	7		11,5 x 2	30,0
5	Mặt cắt 3 - 3	15		7,5 x 2	30,0
6	Mặt cắt 3 - 3	10,5 x 2	2	3,5 x 2	30,0
7	Mặt cắt 4 - 4	10,5		5,75 x 2	22,0
8	Mặt cắt 5 - 5	10,5		4,75 x 2	20,0
9	Mặt cắt 6 - 6	10,5		3,75 x 2	18,0
10	Mặt cắt 7 - 7	10,5		3,0 x 2	16,5

Ghi chú: Đối với bề rộng vỉa hè có thể điều chỉnh để mở rộng lòng đường, tùy theo tăng năng lực lưu thông cho các phương tiện giao thông. Vỉa hè điều chỉnh giảm nhưng đảm bảo theo quy định.

* Bến, bãi đỗ xe:

- Bến xe tại đường Ngô Mây là bến xe khách và bến đỗ xe buýt, đã được xây dựng và đi vào hoạt động ổn định.

- Bãi đỗ xe tại vị trí đối diện quảng trường (cây xăng dầu), ngã 4 đường Lê Văn Tám và Hoàng Hoa Thám và các bãi đậu xe công cộng kết hợp với các khu cây xanh đô thị.

8.2. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng và thoát nước mưa

- Cao độ xây dựng: Bám sát địa hình tự nhiên, cao độ san nền lớn nhất ở về phía Bắc (trên đường Quang Trung - ĐT 669), cao độ nhỏ nhất phía Nam (suối chảy ra sông Ba).

- Khu vực hạn chế xây dựng: Khu vực cây xanh cách ly, cây xanh cảnh quan dọc sông Ba, các suối, khu vực phía nam thị trấn; khu vực đồi núi; khu di tích; khu vực hạ du hồ thủy điện Kanak...

- Chia đồ thị ra 3 lưu vực chính, tạo điều kiện thuận lợi cho thoát nước mưa, trong đó: Phía Đông đường Quang Trung chia làm 2 lưu vực; phía Tây đường Quang Trung 1 lưu vực.

- Hệ thống thu gom nước mưa được đầu tư xây dựng đồng bộ theo các tuyến giao thông.

8.3. Cấp nước

- Tổng nhu cầu dùng nước giai đoạn 2025: $Q = 3.600 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nhu cầu dùng nước giai đoạn 2035: $Q = 4.500 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Giai đoạn đầu từ nay đến 2025 tiếp tục sử dụng nguồn nước của trạm cấp nước hiện hữu của thị trấn, có công suất $Q = 2.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Giai đoạn sau 2030 xây dựng và nâng cấp nhà máy nước, công suất $Q = 4.500 \text{ m}^3/\text{ngày}$, khai thác nguồn nước suối Đăk Lốp, vị trí cách thị trấn 2,5 km về phía Đông.

- Cấp nước PCCC: Lưu lượng nước chữa cháy 30l/s. Lưu lượng nước dự trữ tối thiểu là 648 m^3 . Nguồn dự trữ nước PCCC tại nhà máy nước và tận dụng nguồn nước sông Ba, các hồ nước trên địa bàn thị trấn để phục vụ công tác PCCC.

8.4. Cấp điện

- Tổng nhu cầu dùng điện: 26,16 triệu kWh/năm.

- Tổng công suất điện: 8.721 kW.

- Nguồn cấp điện cho thị trấn là nguồn điện lưới quốc gia qua các tuyến trung thế 22kV từ trạm biến thế 110/22 kV Kbang - 1x25MVA. Điện áp chuẩn cho đô thị và các khu vực lân cận là cấp điện áp 22KV, 3 pha 4 dây, trung tính nối đất.

- Đối với thị trấn Kbang sử dụng mạch vòng vận hành hở, mạng truyền tải sử dụng đường dây 210/22kV, mạng phân phối sử dụng đường dây 0.4kV.

8.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

* Thoát nước thải:

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt giai đoạn 2025: $Q = 2.300 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Lưu lượng nước thải sinh hoạt giai đoạn 2035: $Q = 2.900 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Tiêu chuẩn nước thải tính bằng 80% lưu lượng nước cấp sinh hoạt.

- Hệ thống thoát nước chung hiện chưa đầy đủ và mới chỉ có ở một số tuyến đường trung tâm, phương án hệ thống thoát nước thải cần có lộ trình tách riêng hoàn toàn cho phù hợp với nguồn lực đầu tư, phù hợp đặc thù khu hiện hữu và khu phát triển mới.

- Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung phục vụ cho khu đô thị có công suất $Q = 2.900 \text{ m}^3/\text{ngày}$ vị trí ở phía Nam quy mô diện tích 1.0 ha.

* Quản lý chất thải rắn:

Toàn bộ khối lượng chất thải rắn sinh hoạt thu gom của thị trấn sẽ được vận chuyển và đưa về xử lý tại khu xử lý rác tại thôn 6 - xã Đông với diện tích 8 ha, cách trung tâm thị trấn khoảng 5 km. Khu xử lý rác thải rắn được đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải rắn bằng công nghệ đốt rác hiện đại.

* Nghĩa trang: Sử dụng nghĩa trang nhân dân trung tâm của huyện nằm tại thôn 2, xã Lor Ku, cách trung tâm thị trấn Kbang khoảng 5 km, quy mô khoảng 12 ha.

8.6. Thông tin liên lạc

- Tận dụng cơ sở hạ tầng hiện có, xây dựng và mở rộng mạng băng rộng đến các tổ dân phố, thôn, làng trên địa bàn thị trấn phục vụ nhu cầu sử dụng của người dân và công tác chỉ đạo, điều hành của Đảng và Nhà nước. Tiếp tục mở rộng băng thông Internet nội hạt và liên tỉnh đáp ứng nhu cầu của xã hội, triển khai mạng thông tin di động 4G và các thế hệ tiếp theo.

- Phát triển các điểm truy cập công cộng tại các địa điểm thích hợp với từng địa bàn. Thực hiện cấp quang hóa và ngầm hóa các đường cáp để bảo đảm chất lượng dịch vụ và mỹ quan đô thị, đặc biệt là dọc các tuyến đường, phố chính tại các khu vực trung tâm thị trấn.

Điều 2. Giao cho UBND huyện Kbang phối hợp với các cơ quan liên quan công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch được phê duyệt theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Văn hoá - Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Kbang và thủ trưởng các sở, ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. / *ly*

Nơi nhận: *ly*

- Như điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đ/c Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Đ/c CVP, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu VT-TTTH-KTTH-CN XD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Ngọc Thành